

**VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**  
**CHỦ TỊCH NƯỚC**

**CHỦ TỊCH NƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 371/QĐ-CTN

*Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc cho thôi quốc tịch Việt Nam**

**CHỦ TỊCH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

*Căn cứ Điều 88 và Điều 91 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008;*

*Theo đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 94/TTr-CP ngày 13/02/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho thôi quốc tịch Việt Nam đối với 15 công dân hiện đang cư trú tại Malaysia (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các công dân có tên trong Danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Thị Ánh Xuân**

**DANH SÁCH**  
**CÔNG DÂN VIỆT NAM HIỆN CƯ TRÚ TẠI MALAYSIA**  
**ĐƯỢC CHO THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM**

*(Kèm theo Quyết định số 371/QĐ-CTN ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch nước)*

1. **Nguyễn Thị Mỹ**, sinh ngày 04/01/1980 tại Tây Ninh Giới tính: Nữ  
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, Giấy khai sinh số 03 ngày 17/01/2006  
Hộ chiếu số: C7088996 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 08/4/2019  
Nơi cư trú: No. 8 Lorong, Kurau 1, Taman Samudra 71000 Port Dickson, Negeri, Sembilan, Malaysia  
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: Thuận Tâm, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh
2. **Bùi Thị Kim Tuyến**, sinh ngày 30/7/1985 tại Đồng Tháp Giới tính: Nữ  
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Giấy khai sinh số 216 ngày 24/8/1992  
Hộ chiếu số: C2574783 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 02/3/2017  
Nơi cư trú: No. 90 Jalan Kenanga 4 Taman Desa Cemerlang, 81800 Ulu Tiram, Johor, Malaysia  
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: tổ 6 Hòa Long, phường Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
3. **Phạm Thị Hằng**, sinh ngày 24/7/1976 tại Quảng Ninh Giới tính: Nữ  
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Cao Thắng, thành phố Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh, Giấy khai sinh số 1999 ngày 29/7/1976  
Hộ chiếu số: N1912553 do Đại sứ quán Việt Nam tại Malaysia cấp ngày 13/6/2018  
Nơi cư trú: B6-15 First Residence, No. 5 Jalan Vista Mutiara 1, Kepong Baru, 52000 Kuala Lumpur, Malaysia  
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: 658 lô V, Đoàn Văn Bơ, Phường 10, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

4. **Nguyễn Thị Thủy**, sinh ngày 19/02/1986 tại Kiên Giang      Giới tính: Nữ  
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Nam Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, Giấy khai sinh số 320 ngày 02/11/2005  
Hộ chiếu số: N2128590 do Đại sứ quán Việt Nam tại Malaysia cấp ngày 09/7/2020  
Nơi cư trú: No. 1 Jalan Berjaya 5, Taman Berjaya, 85300 Labis, Johor, Malaysia  
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: xã Nam Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang
5. **Tất Diễm Mai**, sinh ngày 23/4/1969 tại Thành phố Hồ Chí Minh      Giới tính: Nữ  
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Giấy khai sinh số 4710B ngày 28/4/1969  
Hộ chiếu số: K0209417 do Đại sứ quán Việt Nam tại Malaysia cấp ngày 13/6/2022  
Nơi cư trú: Blok 23-3-16 Plat Sri Johor, Jalan Cheras, 56100 Kuala Lumpur, Malaysia  
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: 395/842B Vĩnh Viễn, Phường 5, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
6. **Nguyễn Thị Thi**, sinh ngày 19/10/1971 tại Hà Nội      Giới tính: Nữ  
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội, Giấy khai sinh số 102 ngày 10/7/2007  
Hộ chiếu số: Q00050019 do Đại sứ quán Việt Nam tại Malaysia cấp ngày 06/9/2022  
Nơi cư trú: No. 221 Jalan Semangat 9, Taman Sri Lambak, 86000 Kluang, Johor, Malaysia  
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: thôn Giao Tất B, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội
7. **Phan Thị Nhung**, sinh ngày 16/8/1982 tại Tây Ninh      Giới tính: Nữ  
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Gia Bình, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Giấy khai sinh số 222 ngày 01/12/2005

Hộ chiếu số: C8412344 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 16/10/2019

Nơi cư trú: No. 2143 Taman Sri Pinang, Jalan Parit Mesjid, 82000 Pontian, Johor, Malaysia

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: KP Phước Hậu, phường Gia Bình, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh

8. **Lim Bee Cheng**, sinh ngày 07/6/2014 tại Malaysia Giới tính: Nữ

Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Malaysia, Trích lục ghi chú khai sinh số 139 ngày 11/11/2019

Hộ chiếu số: C9498110 do Đại sứ quán Việt Nam tại Malaysia cấp ngày 12/5/2022

Nơi cư trú: No. 20 Jalan Lembing 4, Taman Puteri Wangsa, 81800 Ulu Tiram, Johor, Malaysia

9. **Mai Thị Ngọc Nga**, sinh năm 1984 tại An Giang Giới tính: Nữ

Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, Giấy khai sinh số 1187 ngày 25/10/1988

Hộ chiếu số: C2530541 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 25/11/2016

Nơi cư trú: DH 962, Taman Bunga, 81500 Pekan Nenas, Johor, Malaysia

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang

10. **Nguyễn Thị Như Ý**, sinh ngày 26/6/1983 tại Bạc Liêu Giới tính: Nữ

Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Mỹ B, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu, Giấy khai sinh số 1487 ngày 16/12/2022

Hộ chiếu số: Q00014728 do Đại sứ quán Việt Nam tại Malaysia cấp ngày 28/7/2022

Nơi cư trú: No. 3-13 Jalan Kampung Paya, Pangsapuri Seri Cemerlang, 12200 Butterworth, Pulau Pinang, Malaysia

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: xã Vĩnh Mỹ B, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

11. **Lê Thị Mỹ Nhiên**, sinh ngày 02/01/1987 tại Cần Thơ Giới tính: Nữ  
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Trung Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, Giấy khai sinh số 515 ngày 06/12/2004  
Hộ chiếu số: N1722583 do Đại sứ quán Việt Nam tại Malaysia cấp ngày 20/8/2018  
Nơi cư trú: Blk-01-06 Villa Bestari APT Jalan NB2 10/2, Taman Nusa Bestari 2, 81300 Skudai, Johor, Malaysia  
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: ấp Thạnh Trung, xã Trung Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ
12. **Trần Thị Mơ**, sinh ngày 20/7/1980 tại Sóc Trăng Giới tính: Nữ  
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, Giấy khai sinh số 358 ngày 10/11/2004  
Hộ chiếu số: N2048273 do Đại sứ quán Việt Nam tại Malaysia cấp ngày 19/9/2019  
Nơi cư trú: No 26 Jalan Mahang 4, Batu 6 Metu, 41050 Klang, Selangor, Malaysia  
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng
13. **Nguyễn Thị Tiêu**, sinh ngày 06/5/1986 tại An Giang Giới tính: Nữ  
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, Giấy khai sinh số 306 ngày 02/11/1992  
Hộ chiếu số: N1912590 do Đại sứ quán Việt Nam tại Malaysia cấp ngày 19/6/2018  
Nơi cư trú: No. 62 Jalan Orchard Heights 2, Taman Orchard Heights, 83000 Batu Pahat, Johor, Malaysia  
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: ấp Hòa Đông, xã Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang
14. **Gan Ming Jie**, sinh ngày 29/6/2016 tại Malaysia Giới tính: Nam  
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Malaysia, Trích lục ghi chú khai sinh số 215 ngày 02/8/2022

Hộ chiếu số: Q00014837 do Đại sứ quán Việt Nam tại Malaysia  
cấp ngày 02/8/2022

Nơi cư trú: No. 237 Jalan Jati Pandamaran N/V, 42000 Pelabuhan  
Klang, Selangor, Malaysia

15. **Lý Ôi Lìn**, sinh ngày 18/10/1986 tại Bình Thuận Giới tính: Nữ  
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Hải Ninh, huyện  
Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, Giấy khai sinh ngày 17/02/1987  
Hộ chiếu số: N2113067 do Đại sứ quán Việt Nam tại Malaysia  
cấp ngày 14/10/2019  
Nơi cư trú: No. 21 Hala Lapangan Perdana 7, Panorama Lapangan  
Perdana, 31650 Ipoh, Perak, Malaysia  
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: 22 Hùng Vương,  
xã Hải Ninh, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.